

## THÔNG BÁO

### Về việc thực hiện kế hoạch thực tập cuối khóa hệ vừa làm vừa học – đợt 1 năm 2022

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học 2021 - 2022 của hệ vừa làm vừa học (VLVH).

Phòng Đào tạo thông báo đến sinh viên hệ VLVH và các phòng, khoa có liên quan về kế hoạch thực tập cuối khóa hệ VLVH – đợt 1 năm 2022 như sau:

#### Lớp 45A2, 45A3, 46A2 (Tài chính ngân hàng):

| Thời gian/Địa điểm                                       | Nội dung công việc                                                                           | Phụ trách                             |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| Từ 21/02/2022 đến 25/02/2022                             | Sinh viên liên hệ nơi thực tập. Cấp giấy giới thiệu thực tập cho sinh viên (nếu có nhu cầu). | Phòng Đào tạo.                        |
|                                                          | Triển khai kế hoạch thực tập và phân công giảng viên hướng dẫn.                              | Khoa Ngân hàng.                       |
| 18g00, ngày 25/02/2022 [Thứ Sáu], <i>Học trực tuyến.</i> | Sinh viên nghe phổ biến nội dung và yêu cầu thực tập. Giải đáp các vấn đề liên quan.         | Khoa Ngân hàng.                       |
| Từ 28/02/2022 đến 13/5/2022                              | <u>Thực tập:</u> Sinh viên làm việc trực tiếp với giảng viên hướng dẫn và đơn vị thực tập.   | Khoa Ngân hàng.                       |
| Từ 16/5/2022 đến 20/5/2022                               | Nộp điểm chấm học phần thực tập cuối khóa; Công bố kết quả.                                  | - Khoa Ngân hàng;<br>- Phòng KT&ĐBCL. |

#### Lớp B2K16NNA1, B2K16NNA2 (Ngôn ngữ Anh):

| Thời gian/Địa điểm                                       | Nội dung công việc                                                                           | Phụ trách                             |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| Từ 21/02/2022 đến 25/02/2022                             | Sinh viên liên hệ nơi thực tập. Cấp giấy giới thiệu thực tập cho sinh viên (nếu có nhu cầu). | Phòng Đào tạo.                        |
|                                                          | Triển khai kế hoạch thực tập và phân công giảng viên hướng dẫn.                              | Khoa Ngoại ngữ.                       |
| 18g00, ngày 26/02/2022 [Thứ Bảy], <i>Học trực tuyến.</i> | Sinh viên nghe phổ biến nội dung và yêu cầu thực tập. Giải đáp các vấn đề liên quan.         | Khoa Ngoại ngữ.                       |
| Từ 28/02/2022 đến 15/4/2022                              | <u>Thực tập:</u> Sinh viên làm việc trực tiếp với giảng viên hướng dẫn và đơn vị thực tập.   | Khoa Ngoại ngữ.                       |
| Từ 18/4/2022 đến 22/4/2022                               | Nộp điểm chấm học phần thực tập cuối khóa; Công bố kết quả.                                  | - Khoa Ngoại ngữ;<br>- Phòng KT&ĐBCL. |

**Ghi chú:** Sinh viên đại học, liên thông đại học, đại học văn bằng 2 hệ VLVH các khóa đủ điều kiện thực tập, liên hệ Phòng Đào tạo - bộ phận VLVH, điện thoại: 028.38216113; 0933405680 (thầy Nam), để thực tập cuối khoá với lớp có cùng chuyên ngành nói trên.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Khoa Ngân hàng; khoa Ngoại ngữ (để thực hiện);
- Sinh viên hệ VLVH;
- Lưu VP, Phòng ĐT.

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**TS. Trần Trọng Huy**



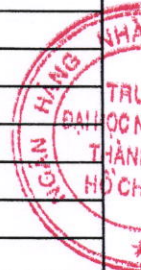


**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN HỌC PHẦN THỰC TẬP CUỐI KHÓA  
ĐỢT 1 NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo thông báo số: 124/TB-ĐHNH, ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Phòng Đào tạo)

**1. Ngành Tài chính - Ngân hàng**

| STT | Mã SV        | Họ và tên             | Thuộc lớp | Khoa Quản lý | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------|-----------|--------------|---------|
| 1   | 060117170089 | Lê Nhật Trường        | LT18-NH04 | Ngân hàng    |         |
| 2   | 060818160042 | Trần Hồ Hạnh Nhân     | LT18_NH01 | Ngân hàng    |         |
| 3   | 080145180028 | Đặng Kim Ngọc Anh     | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 4   | 030633170559 | Trần Minh Đức         | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 5   | 080145180033 | Quan Diễm Hồng        | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 6   | 080545180017 | Hồ Thị Huyền          | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 7   | 080145180034 | Nguyễn Phi Hùng       | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 8   | 080545180018 | Trần Thị Yến Linh     | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 9   | 080145180037 | Trương Triệu Long     | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 10  | 080145180038 | Nguyễn Thị Phương Nam | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 11  | 080545180019 | Trần Thị Nga          | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 12  | 080145180040 | Nguyễn Hồng Thắm      | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 13  | 080145180042 | Trần Lý Cẩm Tú        | DHK45A3   | Ngân hàng    |         |
| 14  | 080545180001 | Huỳnh Tuấn Anh        | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 15  | 080145180006 | Lê Văn Đạt            | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 16  | 080145180007 | Nguyễn Trương Định    | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 17  | 080145180008 | Phạm Tân Đô           | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 18  | 080145180009 | Trần Hoàng Hải        | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 19  | 080145180010 | Nguyễn Thúy Hằng      | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 20  | 050606180117 | Nguyễn Thị Mỹ Hoa     | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 21  | 080145180012 | Nguyễn Thị Cẩm Lệ     | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 22  | 080145180013 | Nguyễn Thị Kim Liên   | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 23  | 080145180017 | Huỳnh Đình Nguyên     | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 24  | 080145180020 | Nguyễn Nam Sơn        | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 25  | 080145180022 | Bùi Minh Tâm          | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 26  | 080145180021 | Phan Chí Tâm          | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 27  | 080145180025 | Lư Trần Thuận         | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 28  | 080545180014 | Đinh Tường Kim Thủy   | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 29  | 080145180027 | Nguyễn Phạm Anh Thư   | DHK45A2   | Ngân hàng    |         |
| 30  | 030632160732 | LÂM THỊ MINH HIẾU     | DHK44A2   | Ngân hàng    |         |
| 31  | 080146190003 | Trần Tuấn Hòa         | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 32  | 080146190004 | Nguyễn Văn Hùng       | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 33  | 030805170295 | Nguyễn Thị Thu Hương  | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 34  | 080146190006 | Giang Tú Linh         | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 35  | 080146190008 | Võ Thị Ngọc           | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 36  | 080146190013 | Nguyễn Thanh Thuận    | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 37  | 030633171421 | Trần Lê Anh Tiến      | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 38  | 080146190014 | Lê Thị Bích Trâm      | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 39  | 030534180217 | Hà Nam Cao Trí        | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 40  | 080146190015 | Nguyễn Thúy Vi        | DH46A2    | Ngân hàng    |         |
| 41  | 080146190017 | Huỳnh Hồng Yên        | DH46A2    | Ngân hàng    |         |



## 2. Ngành Ngôn ngữ Anh

| STT | Mã SV        | Họ và tên              | Thuộc lớp  | Khoa Quản lý | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------------|------------|--------------|---------|
| 1   | 070409190015 | Trần Thị Duyên         | AV_B2K1_CQ | Ngoại ngữ    |         |
| 2   | 100416200002 | Nguyễn Thị Diệu Anh    | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 3   | 100416200004 | Bùi Thị Như Biển       | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 4   | 100416200005 | Trần Thanh Bình        | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 5   | 100416200009 | Lê Thị Mỹ Dung         | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 6   | 100416200010 | Trương Thị Thùy Dung   | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 7   | 100416200012 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 8   | 100416200008 | Đặng Hoàng Đạo         | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 9   | 100416200006 | Trần Ngọc Đặng         | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 10  | 100416200016 | Nguyễn Minh Hải        | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 11  | 100416200017 | Nguyễn Nguyên Hân      | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 12  | 100416200019 | Nguyễn Thị Thùy Hạnh   | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 13  | 100416200018 | Nguyễn Thị Thúy Hằng   | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 14  | 100416200020 | Nguyễn Thanh Hiền      | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 15  | 100416200021 | Nguyễn Trung Hiếu      | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 16  | 100416200026 | Lữ Thị Bích Huyền      | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 17  | 100416200024 | Trần Hữu Hùng          | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 18  | 100416200025 | Nguyễn Thị Mai Hương   | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 19  | 100416200028 | Nguyễn Vũ Linh         | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 20  | 100416200030 | Trần Ngọc Luận         | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 21  | 100416200031 | Trần Ngọc Lý           | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 22  | 100416200032 | Hồ Văn Mạnh            | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 23  | 100416200036 | Bùi Nguyên Ngọc        | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 24  | 100416200038 | Nguyễn Minh Nhật       | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 25  | 100416200040 | Nguyễn Thị Trang Nhung | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 26  | 100416200041 | Đào Lê Kiều Oanh       | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 27  | 100416200042 | Nguyễn Thị Kiều Oanh   | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 28  | 100416200045 | Nguyễn Duy Thanh       | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 29  | 100416200048 | Nguyễn Huy Thao        | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 30  | 100416200052 | Đặng Thị Thịnh         | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 31  | 100416200053 | Trần Vương Thịnh       | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 32  | 100416200054 | Phan Thị Bích Tiên     | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 33  | 100416200055 | Cao Thanh Tình         | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 34  | 100416200056 | Trần Minh Trang        | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 35  | 100416200057 | Phạm Thị Tuyết Trinh   | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 36  | 100416200058 | Võ Nguyên Trung        | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 37  | 100416200059 | Nguyễn Xuân Trường     | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 38  | 100416200060 | Nguyễn Minh Tùng       | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 39  | 100416200062 | Vân Thị Hải Vân        | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 40  | 100416200063 | Lê Công Võ             | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 41  | 100416200066 | Nguyễn Thị Minh Xuyên  | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |
| 42  | 100416200070 | Vũ Hải Yến             | B2_K16_NNA | Ngoại ngữ    |         |

Tổng cộng: 83 sinh viên.